TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2021.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Bá Diễn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo và bà Hoàng Thị Hồng Quyên.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Bắc- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Vũ Thu T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Số 61 đường L, tổ 11, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Đội 4, thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

(Chị T có mặt; anh T1 xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Vũ Thu T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Mạnh T1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2010 ngày 20/10/2010. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 về chung sống với gia đình bên vợ tại địa chỉ: 61, đường L, tổ 11, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Anh, chị sinh được một con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/8/2010.

Chị và anh T1 chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T1 yêu cầu chị về quê chồng ở Hưng Yên sinh sống nhưng chị không đồng ý vì chị thấy sống ở Đồng Nai sẽ tốt hơn. Do vậy mà mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Chị và anh T1 đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay, chị sinh sống ở huyện V, tỉnh Đồng Nai còn anh T1 sinh sống ở xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Anh T1 thỉnh thoảng vẫn vào thăm chị và con nhưng bản thân chị thấy tình cảm dành cho anh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh T1 thỏa thuận ly hôn với nhauvà anh chị đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết ly hôn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T1. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh T1 không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

** Anh Nguyễn Mạnh T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai gửi Tòa án, anh trình bày:*

Về hôn nhân giữa anh với chị Vũ Thu T, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày là đúng.

Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp nên cuộc sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc và vợ chồng anh đã sống ly thân khoản 05 năm nay, tình cảm yêu thương nhau không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Do điều kiện ở xa nên anh không lên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để trực tiếp giải quyết ly hôn. Tuy nhiên anh và chị T đã có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn cho anh, chị. Anh cũng có bản tự khai nộp cho Tòa án và đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Anh T1 đồng ý giao con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/8/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh và chị T không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị T được ly hôn với anh T1; Giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/8/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Chị Vũ Thu T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Vũ Thu T và anh Nguyễn Mạnh T1 có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nơi cư trú của chị T để giải quyết ly hôn cho anh, chị. Như vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Anh Nguyễn Mạnh T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:***

[2.1] Chị Vũ Thu T và anh Nguyễn Mạnh T1 tự nguyện chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời trình bày của chị T, anh T1 và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của anh T1 và chị T không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 đều thống nhất trình bày có 01 con

chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/8/2010. Anh T1, chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và quy định pháp luật nên cần ghi nhận thỏa thuận của anh T1, chị T. Do chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung và tài sản chung: Chị T và anh T1 đều khai không có nợ chung; không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh T1 và chị T trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Khoản 5 Điều 84, Điều 119, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thu T. Chị Vũ Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/8/2010 cho chị Vũ Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Mạnh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh T1.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ

chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung của chị Vũ Thu T và anh Nguyễn Mạnh T1 trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thu T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004818 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Bá Diễn